

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 /7/2021

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Khắc Tường**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Lê Truyền Bình**

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Phan Đình Vui** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Đức Khoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Vũ Thị L** – Sinh năm: 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 1A Chung cư X L, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Ông **Đình Sĩ Th** – Sinh năm: 1952 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: 1A Phan Châu Trinh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2020 và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Vũ Thị L trình bày:*

Bà và ông Đình Sĩ Th kết hôn với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống tại địa chỉ 1A Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Sau thời gian chung sống, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa bà và ông Th luân bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Bà và ông Th đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Sĩ Th.

Về con chung: Bà Vũ Thị L xác định bà và ông Th có 01 con chung là Đinh Thúy H, sinh ngày 21/11/1998. Vì con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Vũ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Vũ Thị L xác định bà và ông Đinh Sĩ Th không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng ông Đinh Sĩ Th đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và các đương sự trong vụ án không có ý kiến gì về phần thủ tục. Do đó về phần thủ tục là đảm bảo, hợp pháp.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị L và ông Đinh Sĩ Th đã đến mức trầm trọng, từ năm 2015 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, hôn nhân thực tế không còn tồn tại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L, cho bà L được ly hôn với ông Đinh Sĩ Th. Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Đinh Sĩ Th có 01 con chung tên Đinh Thúy H, sinh ngày 21/11/1998, vì con chung đã thành niên nên không đề cập đến. Về tài sản chung: Bà Vũ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Về nợ chung: Bà Vũ Thị L xác định giữa bà và ông Thắng không có nợ chung nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, đã tổng đạt đầy đủ, hợp pháp các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, bị đơn vắng mặt lần thứ ba tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Đinh Sỹ Th tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân giữa bà L và ông Th đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Bà Vũ Thị L và ông Đinh Sỹ Th đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà Vũ Thị L khẳng định không còn yêu thương ông Th. Điều này chứng minh tình cảm giữa bà Vũ Thị L và ông Đinh Sỹ Th không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của bà Vũ Thị L là có căn cứ. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đinh Sỹ Th đến hòa giải, cũng như đến phiên tòa nhưng ông Th vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện ông Th không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị L.

[2.2] Về con chung: Giữa bà L và ông Th có 01 con chung tên Đinh Thúy Hiền, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1998. Vì con chung đã thành niên và không mất khả năng lao động nên Tòa án không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Vũ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Vũ Thị L xác định giữa bà và ông Th không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Vũ Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về hôn nhân: Cho bà Vũ Thị L được ly hôn với ông Đinh Sỹ Th.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị L được miễn tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhân:

- VKSND quận Hải Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- UBND xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Khắc Tường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

